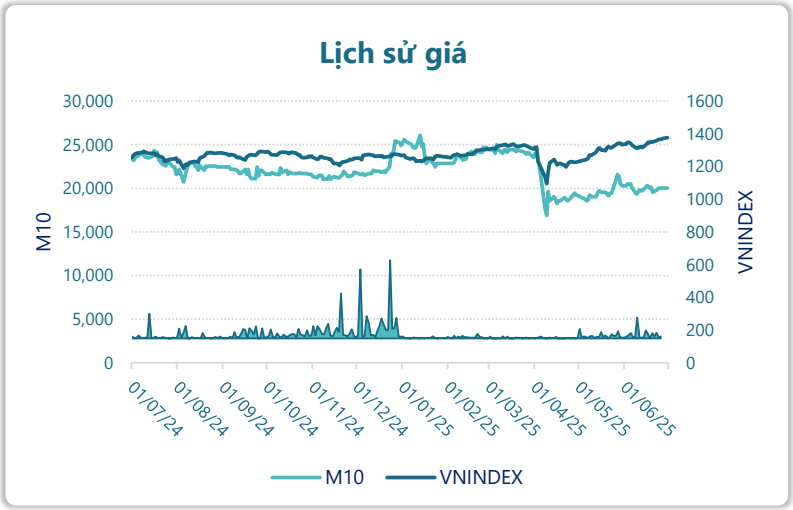
FireAnt

Tổng công ty May 10 - CTCP (UPCOM: M10)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,067
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,890
SL cổ phiếu LH	31,750,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,700
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	651
P/E	5.1
EPS	4,011

DT thuần

Q2/25

1,159

tỷ VNĐ

QoQ: ▼97.0| -7.7%

YoY: ▲ 280| 31.8%

LN sau thuế

Q2/25

40.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.80| 13.6%

YoY: ▲ 23.8| 145%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.7%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

6T 2025

2,415

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 436| 22.0%

LN sau thuế

6T 2025

75.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.5| 64.2%

ROE

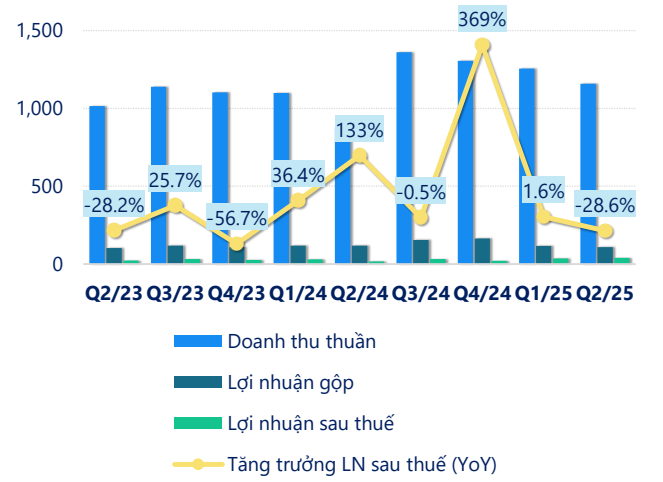
Q2/25

23.2%

+/- YoY: ▲ 1.9%

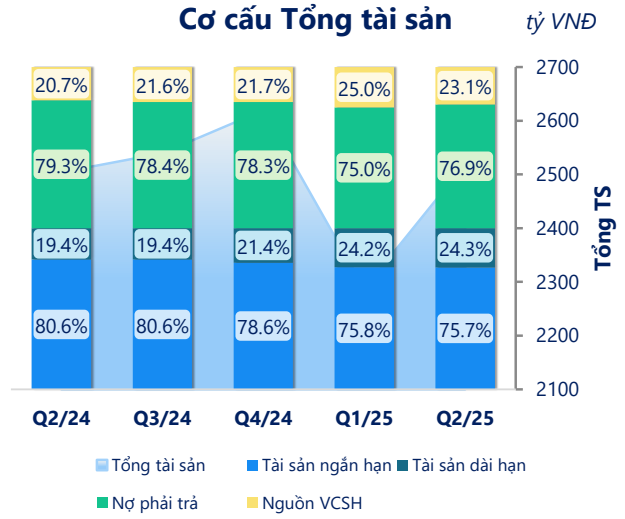
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



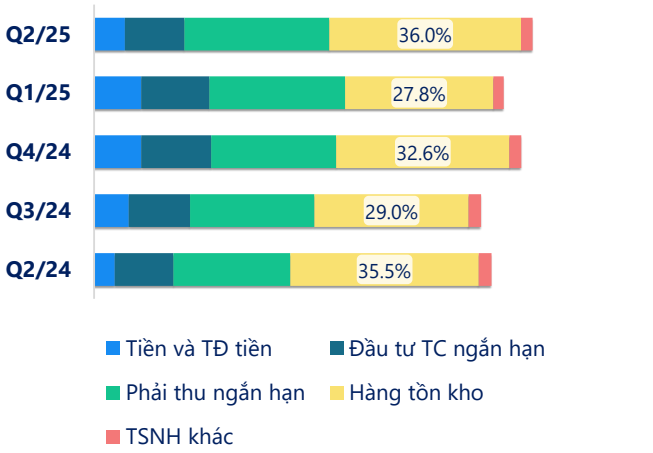
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



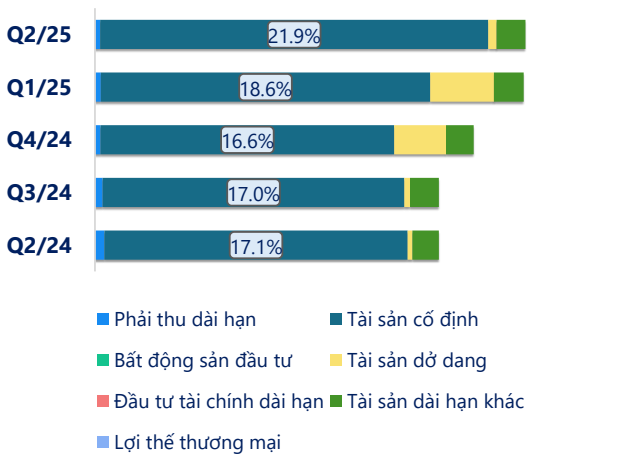
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



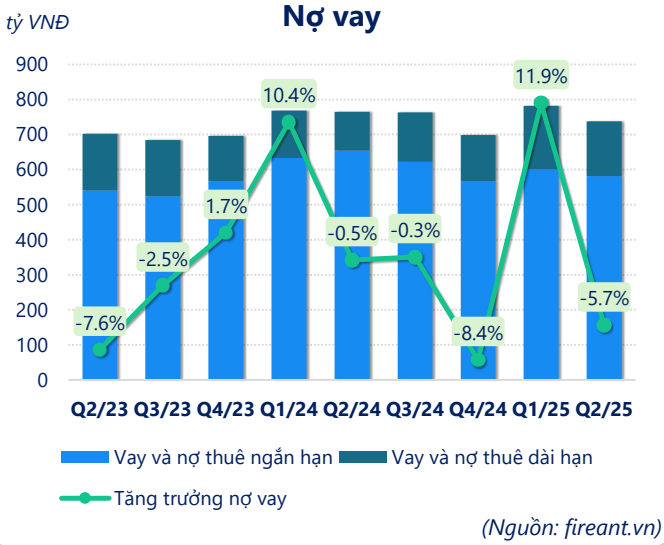
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



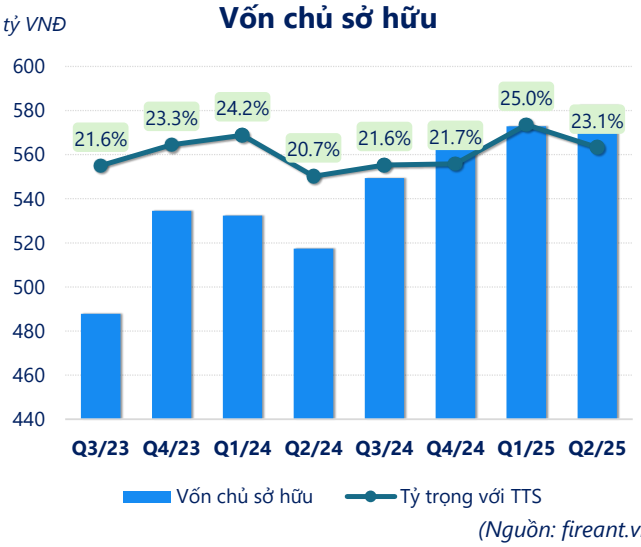
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



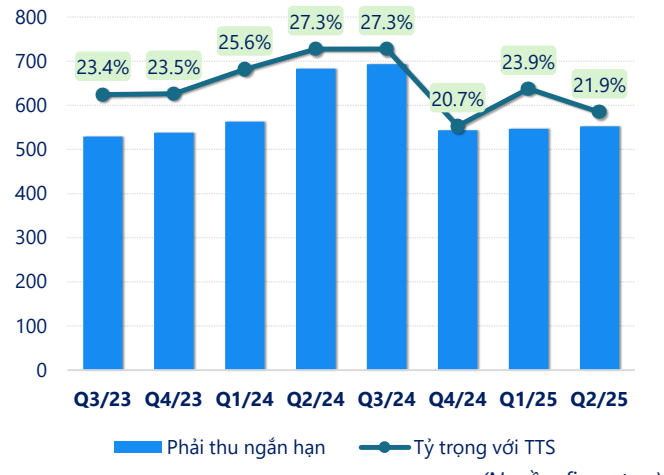
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



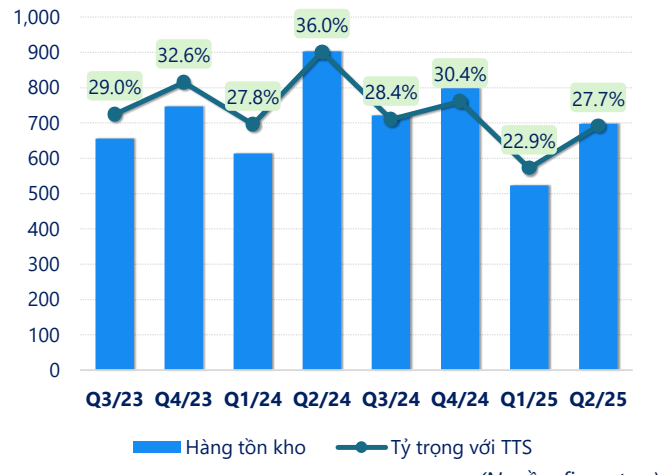
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



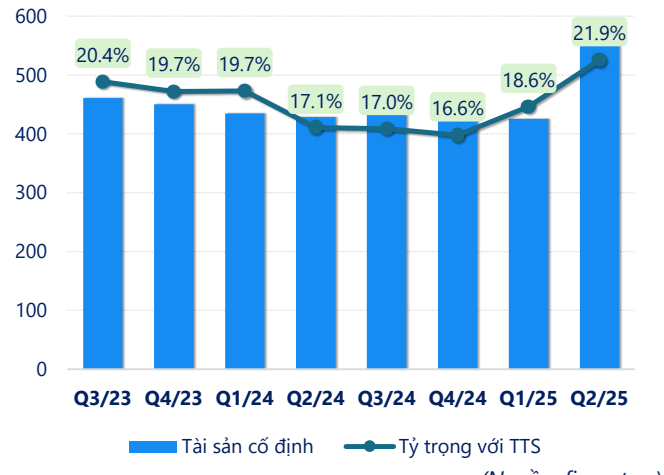
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



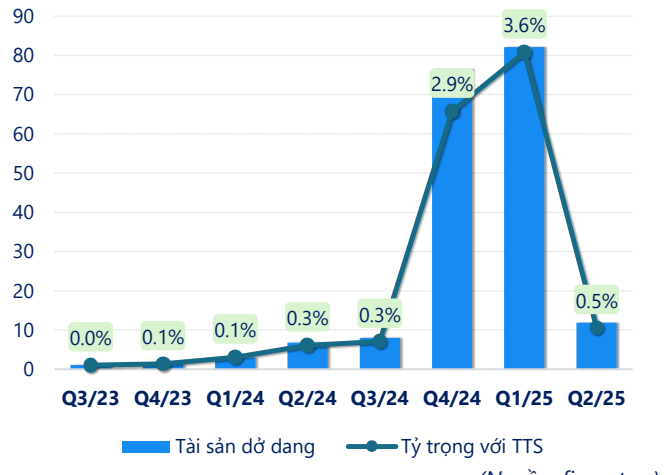
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



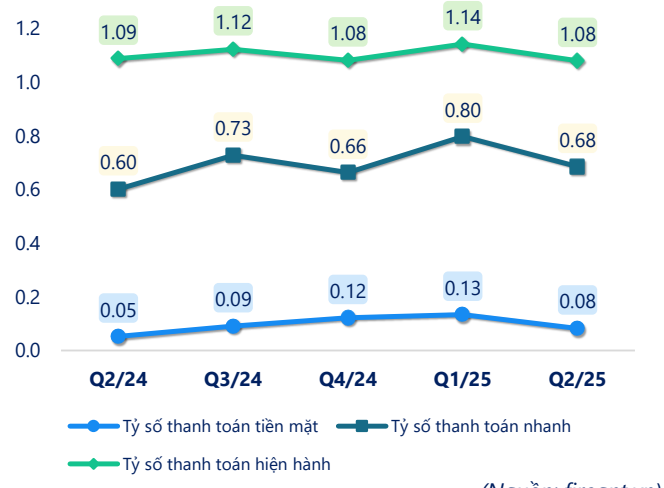
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



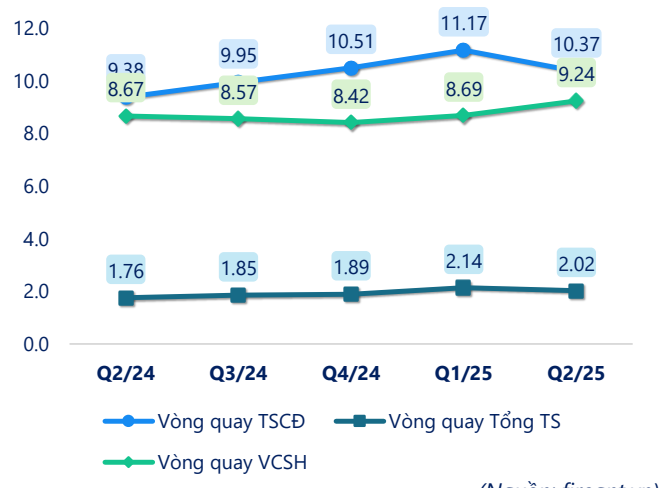
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,504**	**2,540**	**2,620**	**2,287**	**2,520**
Tài sản ngắn hạn	**2,019**	**2,047**	**2,060**	**1,734**	**1,908**
Tiền và tương đương tiền	97.4	166	232	203	146
Đầu tư tài chính ngắn hạn	280	403	408	367	395
Phải thu ngắn hạn	683	693	543	547	552
Hàng tồn kho	903	721	798	523	698
Tài sản ngắn hạn khác	55.2	64.2	78.7	93.6	117
Tài sản dài hạn	**486**	**493**	**560**	**553**	**612**
Phải thu dài hạn	13.3	11.0	8.25	7.51	7.35
Tài sản cố định	428	432	434	425	552
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.79	7.96	76.5	82.1	11.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	37.1	41.4	40.8	38.4	41.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,987**	**1,990**	**2,050**	**1,715**	**1,938**
Nợ ngắn hạn	**1,856**	**1,823**	**1,905**	**1,519**	**1,767**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	655	622	567	601	581
Phải trả người bán ngắn hạn	747	713	811	525	705
Nợ dài hạn	131	167	146	196	171
Vay và nợ thuê dài hạn	110	141	131	182	157
Nguồn vốn chủ sở hữu	**517**	**549**	**569**	**573**	**582**
Vốn chủ sở hữu	**517**	**549**	**569**	**573**	**582**
Vốn điều lệ	318	318	318	318	318
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)